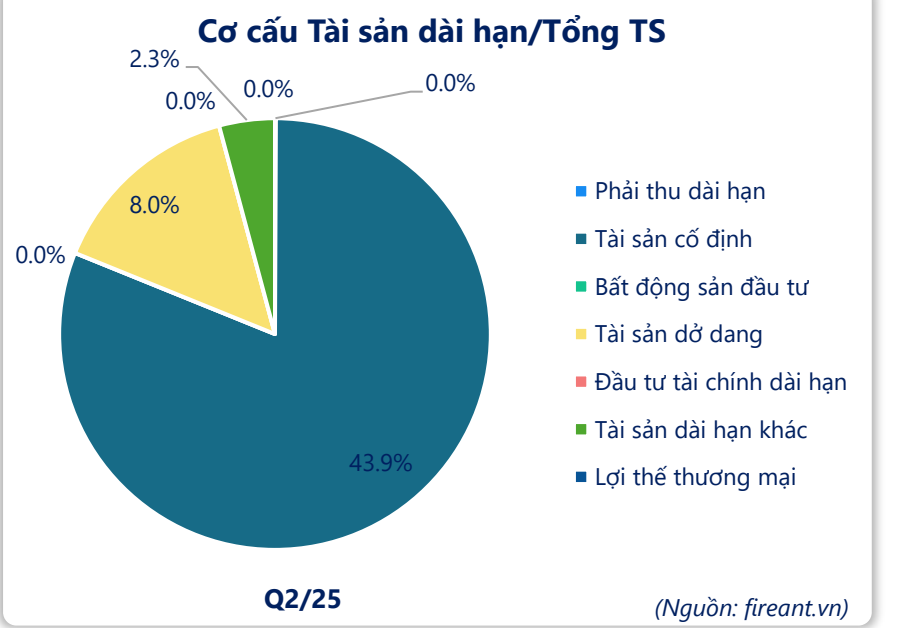
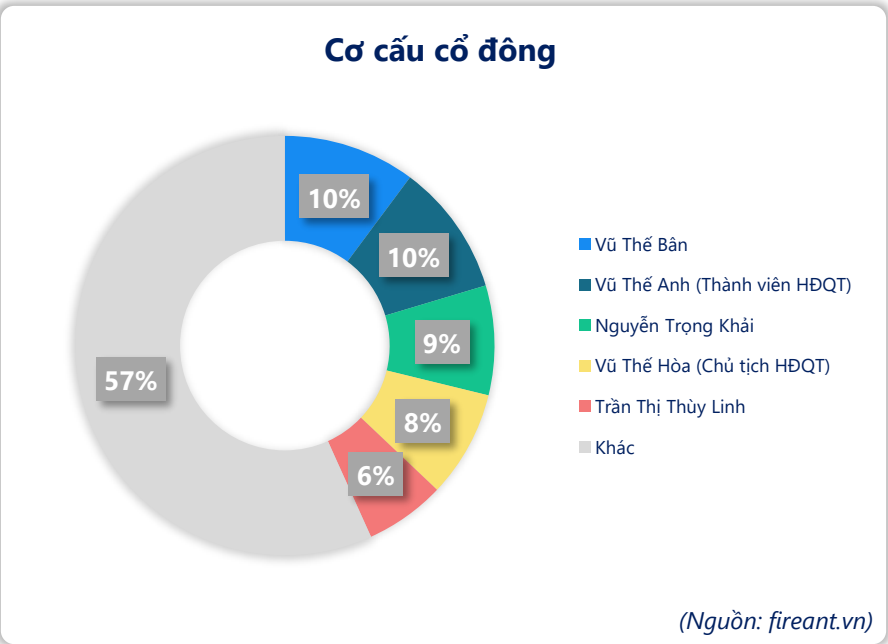
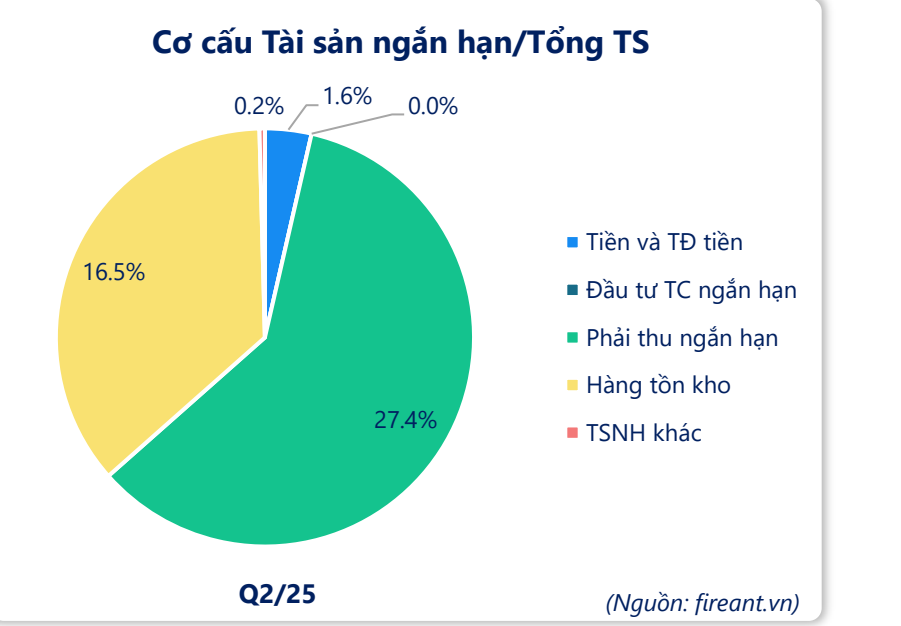
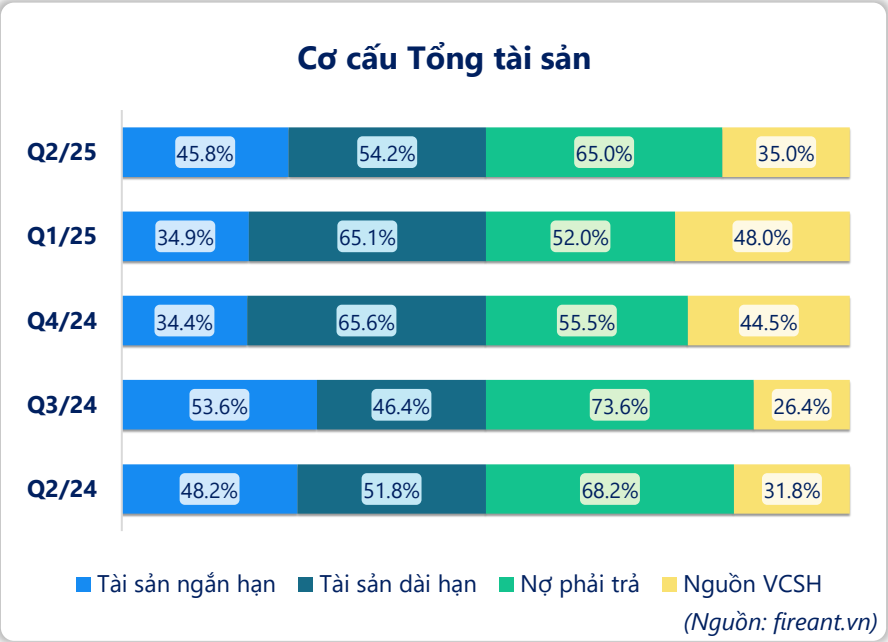
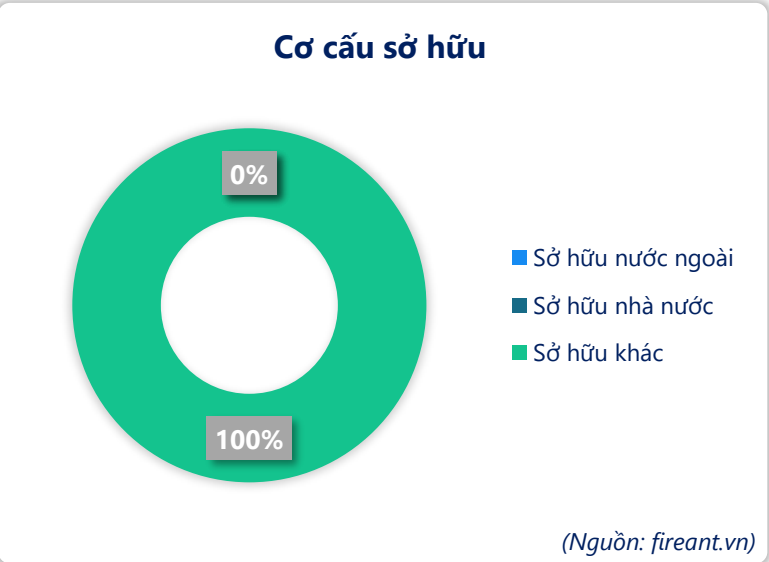
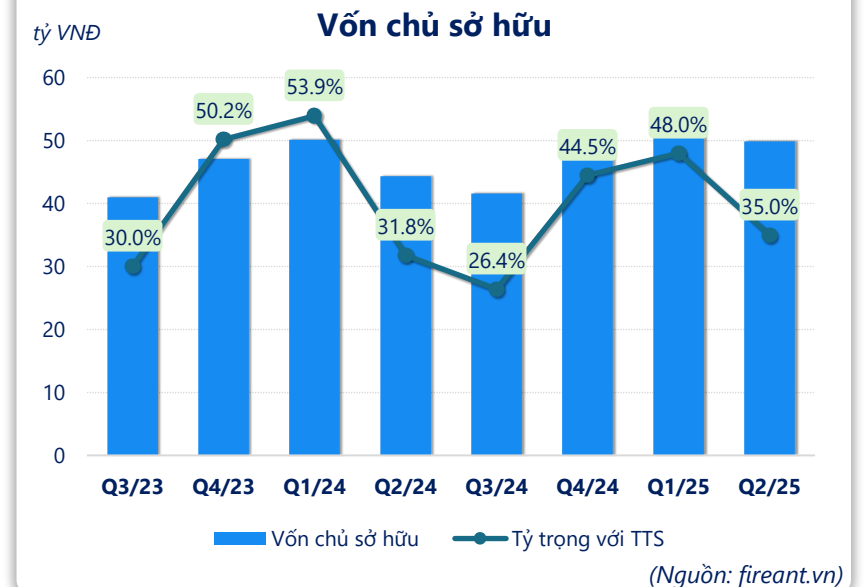
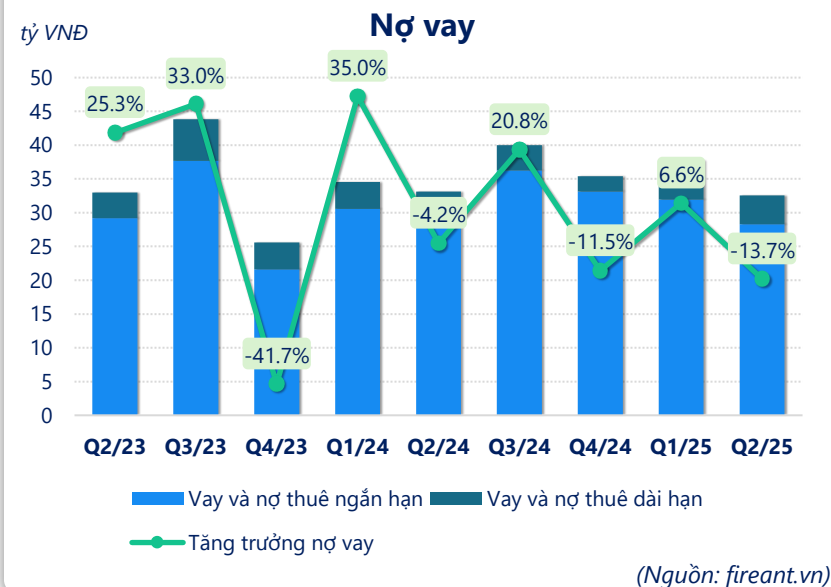
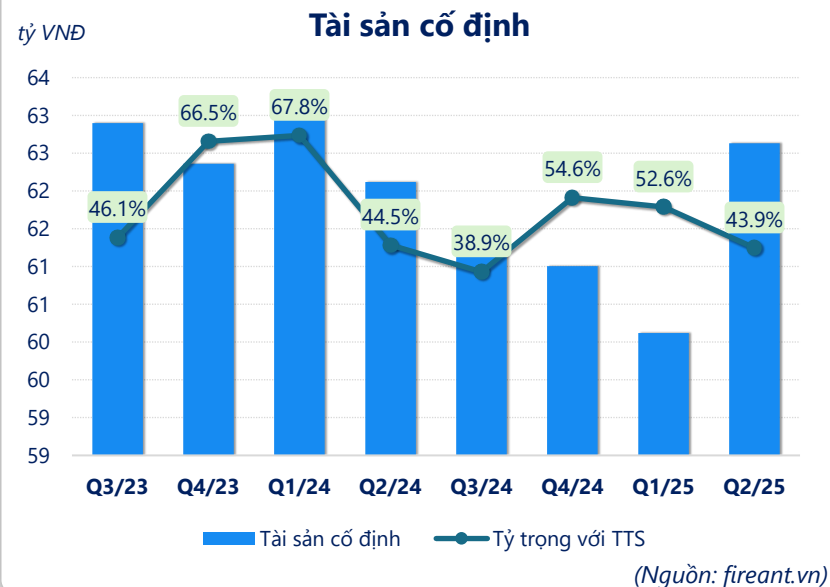
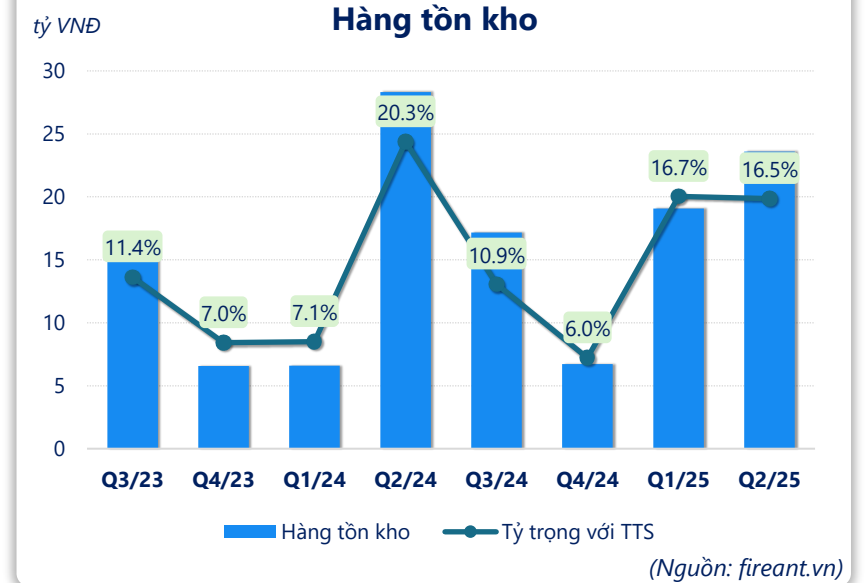
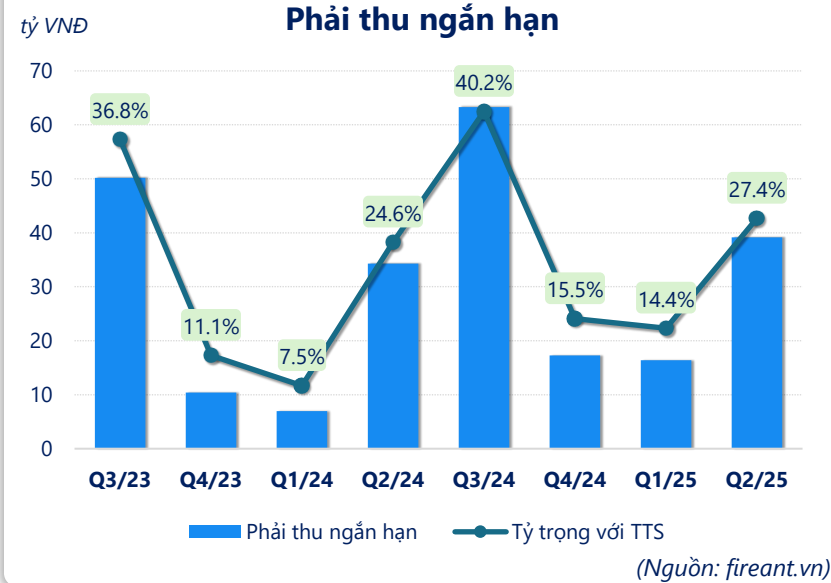
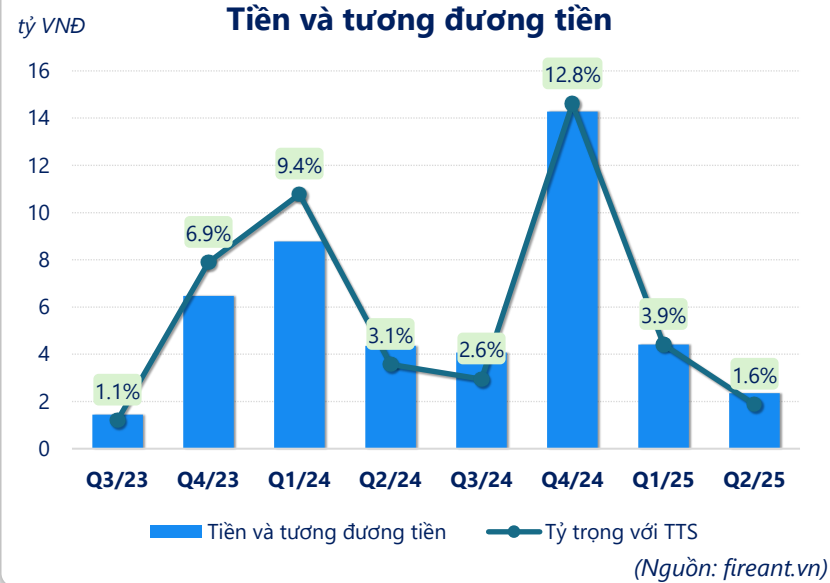
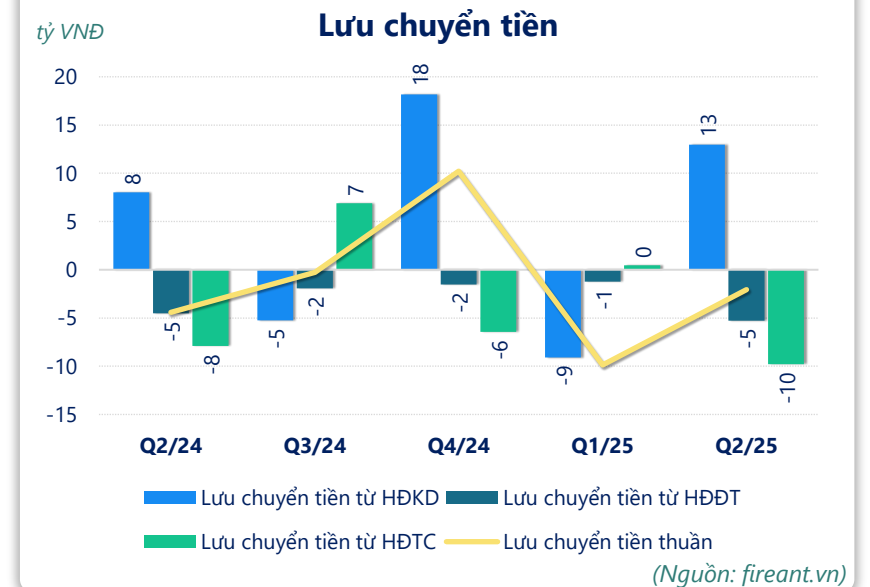
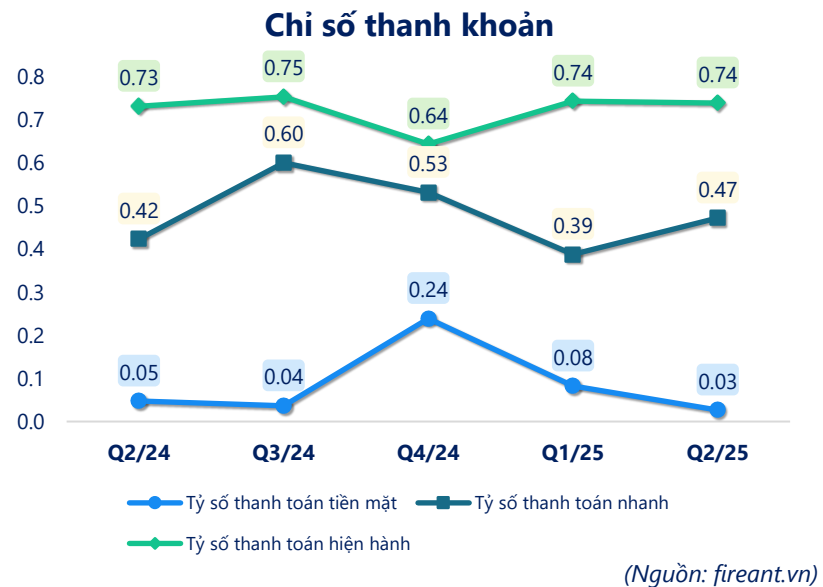
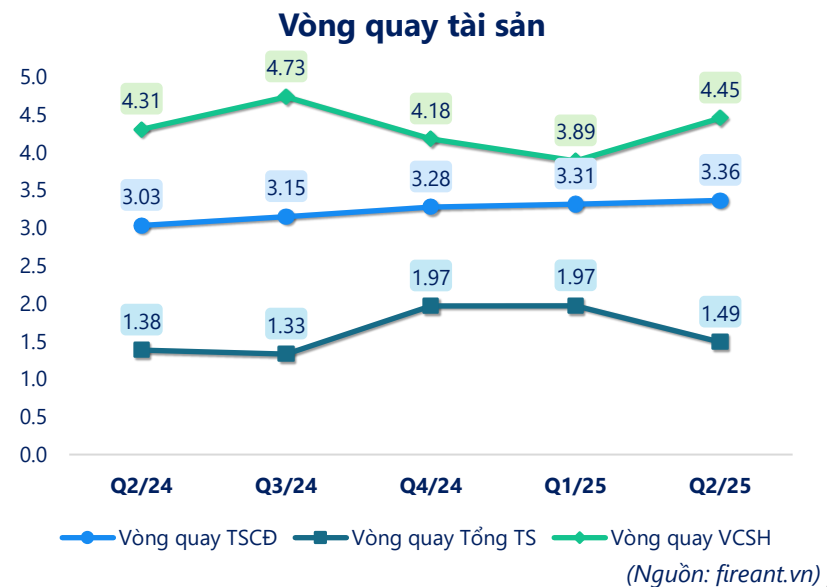
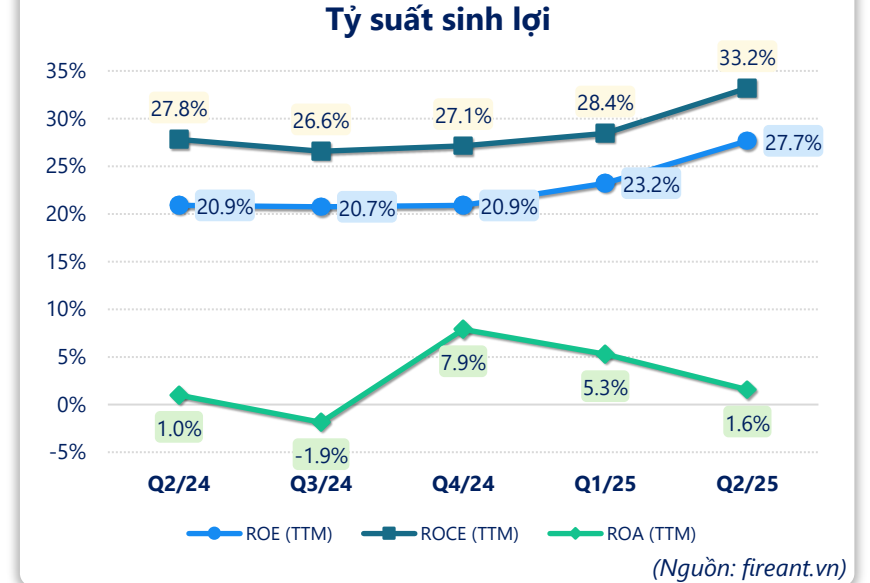
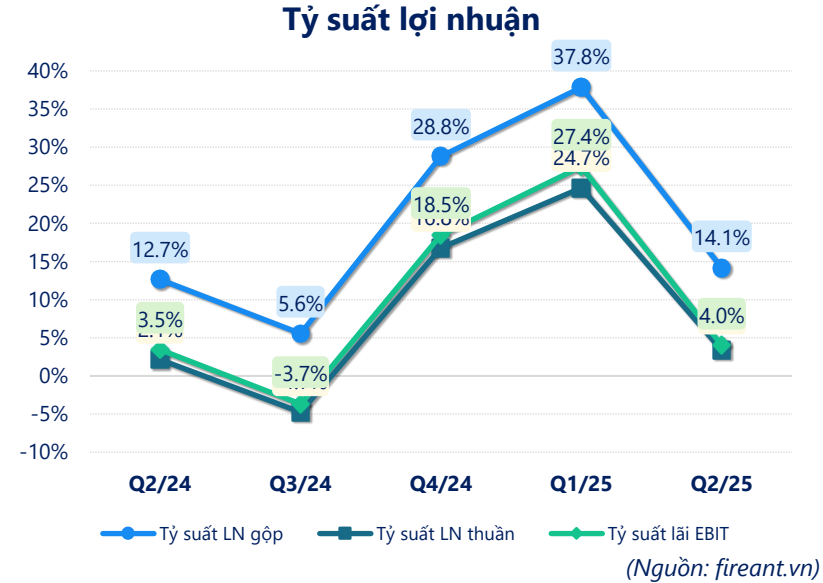
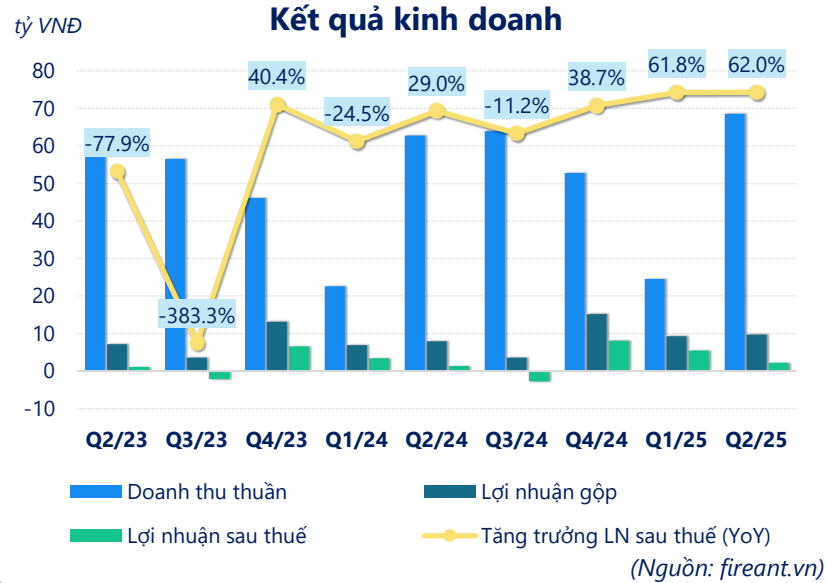


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,182
SL cổ phiếu LH		3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		30
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		84
P/E		6.4
EPS		4,023

	YTD	1T	3T	6T
QST	40.0%	44.9%	-4.3%	40.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	143	112	27.6%
Tài sản ngắn hạn	65.4	38.3	70.5%
Tiền và tương đương tiền	2.35	14.3	-83.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	39.1	17.1	128%
Hàng tồn kho	23.6	6.72	251%
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.19	45.0%
Tài sản dài hạn	77.3	73.4	5.2%
Phải thu dài hạn	0.05	0.15	-65.7%
Tài sản cố định	62.6	61.0	2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.4	8.47	34.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.22	3.82	-15.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.7	62.1	49.4%
Nợ ngắn hạn	88.4	59.8	48.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.3	33.1	-14.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.1	7.57	522%
Nợ dài hạn	4.29	2.30	87.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.29	2.30	87.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	49.9	49.7	0.4%
Vốn chủ sở hữu	49.9	49.7	0.4%
Vốn điều lệ	32.4	32.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	62.8	63.9	52.8	24.5	68.5
Giá vốn hàng bán	54.8	60.4	37.6	15.3	58.9
Lợi nhuận gộp	7.94	3.55	15.2	9.29	9.68
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.66	0.69	0.64	0.67	0.28
Chi phí lãi vay	0.66	0.69	0.64	0.67	0.28
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.41	3.03	2.46	1.20	4.69
Chi phí QLDN	1.53	2.87	3.22	1.37	2.42
LN thuần từ HĐKD	1.35	-3.03	8.87	6.05	2.29
Lợi nhuận khác	0.17	-0.01	0.25	0.02	0.16
LN trước thuế	1.51	-3.04	9.12	6.07	2.45
Lợi nhuận sau thuế	1.36	-2.74	8.10	5.46	2.20
LNST của CĐ cty mẹ	1.36	-2.74	8.10	5.46	2.20

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.01	-5.24	18.2	-9.10	13.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.52	-1.92	-1.54	-1.23	-5.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.91	6.88	-6.43	0.46	-9.78
Tiền đầu kỳ	8.77	4.35	4.07	14.3	4.41
Lưu chuyển tiền thuần	-4.42	-0.28	10.2	-9.87	-2.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.35	4.07	14.3	4.41	2.35

(Nguồn: fireant.vn)